

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15/8/2024

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Đăng Anh Việt.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lê Đình Hưng và ông Lê Khả Hòa.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân

huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Đ1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Ia Lâm Tôk, xã Ia Krêl, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hùng D, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Ia Lâm Tôk, xã Ia Krêl, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Đ1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Đ1 và anh Nguyễn Hùng D có trải qua thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 08/9/2008.

Sau khi kết hôn, chị Đ1 và anh D chung sống hạnh phúc tới khoảng 05 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường

xuyên xảy ra cãi vã. Anh D thường hay đi chơi, không quan tâm tới gia đình, vợ con, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị Đ1 và anh D đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm tới nhau nên chị Đ1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Chị Đ1 và anh D có 03 con chung tên: Nguyễn Vũ Trúc Thy, sinh ngày 02/01/2009; Nguyễn Vũ Trúc Nguyên, sinh ngày 23/8/2012 và Nguyễn Huy Vũ, sinh ngày 07/01/2016. Cả 03 cháu hiện đang sống cùng với anh D.

Chị Đ1 đề nghị Tòa án giao cả 03 cháu Thy, cháu Nguyên và cháu Vũ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Chị Đ1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000 đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vũ Thị Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, anh Nguyễn Hùng D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hùng D và chị Vũ Thị Đ1 có trải qua thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 08/9/2008.

Trong thời gian chung sống, giữa anh D và chị Đ1 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, về làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, bất hòa, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không có hạnh phúc. Anh D và chị Đ1 đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn. Chị Đ1 có đơn xin ly hôn, anh D nhất trí.

Về con chung: Anh D và chị Đ1 có 03 con chung tên: Nguyễn Vũ Trúc Thy, sinh ngày 02/01/2009; Nguyễn Vũ Trúc Nguyên, sinh ngày 23/8/2012 và Nguyễn Huy Vũ, sinh ngày 07/01/2016. Cả 03 cháu hiện đang sống cùng với anh D.

Anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu Thy, cháu Nguyên và cháu Vũ. Anh D yêu cầu chị Đ1 cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000 đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị Đ1 và anh Nguyễn Hùng D là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì giữa chị Đ1 và anh D phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, nên chị Đ1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D và anh D cũng nhất trí ly hôn với chị Đ1. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ1.

Về con chung: Anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu Nguyễn Vũ Trúc Thy; Nguyễn Vũ Trúc Nguyên và Nguyễn Huy Vũ cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Anh D yêu cầu chị Đ1 cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000 đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Chị Đ1 cũng nhất trí giao cả 03 cháu Thy, cháu Nguyên và cháu Vũ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao cả 03 cháu Nguyễn Vũ Trúc Thy; Nguyễn Vũ Trúc Nguyên và Nguyễn Huy Vũ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Buộc chị Đ1 cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm đến khi các cháu thành niên và tự lập được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Vũ Thị Đ1 khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh Nguyễn Hùng D có địa chỉ tại thôn Ia Lâm Tôk, xã Ia Krêl, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị Đ1 và anh Nguyễn Hùng D có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Đ1 và anh Nguyễn Hùng D trải qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy, hôn nhân giữa chị Đ1 và anh D là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình chung sống với anh D, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị Đ1 khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh D. Anh D cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa

vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau và nhất trí ly hôn với chị Đ1. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa chị Đ1 và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ1.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị Đ1 và anh Nguyễn Hùng D có 03 con chung tên: Nguyễn Vũ Trúc Thy, sinh ngày 02/01/2009; Nguyễn Vũ Trúc Nguyên, sinh ngày 23/8/2012 và Nguyễn Huy Vũ, sinh ngày 07/01/2016. Cả 03 cháu hiện đang sống cùng với anh D.

Anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu Nguyễn Vũ Trúc Thy; Nguyễn Vũ Trúc Nguyên và Nguyễn Huy Vũ. Xét thấy anh D có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của các cháu, từ khi chị Đ1 và anh D sống ly thân đến nay, anh D vẫn chăm sóc tốt cho cả 03 cháu, chị Đ1 cũng nhất trí giao cả 03 cháu Thy, cháu Nguyên và cháu Vũ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Thy, cháu Nguyên và cháu Vũ đều có nguyện vọng được sống cùng anh D. Do đó, cần giao cháu Thy, cháu Nguyên và cháu Vũ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D yêu cầu chị Đ1 cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được và chị Đ1 cũng nhất trí nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ1 và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị Đ1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị Đ1 là người cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;

- Các Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Đ1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Đ1 được ly hôn với anh Nguyễn Hùng D.

2. Về con chung: Giao cả 03 cháu Nguyễn Vũ Trúc Thy, sinh ngày 02/01/2009; Nguyễn Vũ Trúc Nguyên, sinh ngày 23/8/2012 và Nguyễn Huy Vũ, sinh ngày 07/01/2016 cho anh Nguyễn Hùng D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi các cháu chưa thành niên, hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Vũ Thị Đ1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000 đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 15/8/2024 cho đến khi các cháu thành niên, hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí:

Buộc chị Vũ Thị Đ1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị Đ1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007776, ngày 04/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị Đ1 còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết

theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND TT Chư Ty;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đặng Anh Việt